

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày 28 tháng 08 năm 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**
2. Ông **Danh On**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Danh Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 08 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 07 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S**

Địa chỉ: Số 266 - 268 đường N, phường V, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - chi nhánh tỉnh Bạc Liêu.

Người được ủy quyền lại: Ông **Trần Hiền T1** – Trưởng phòng giao dịch P - Ngân hàng TMCP S - chi nhánh tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ nhận thông báo: Số 88 đường V - P, ấp L, thị trấn P, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đồng bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1976

Ông **Lâm Vũ P**, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Ông Trần Hiền T1 có mặt, bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là ông Trần Hiền T1 trình bày:

Vào ngày 04/12/2017 giữa bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P với Ngân hàng

TMCP S có ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1733800235. Đến ngày 13/12/2018 giữa bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P với Ngân hàng TMCP S có ký kết thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1733800235-001. Quá trình nhận nợ, cụ thể vào ngày 19/6/2019 bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P tiến hành nhận nợ theo giấy nhận nợ số 004 với số tiền là 70.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh gia công nhôm sắt, lãi suất được áp dụng cho 03 tháng đầu tiên là 12%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP S cộng biên độ 5,1%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Thời điểm trả hết nợ là ngày 19/12/2019.

Quá trình vay, từ ngày giải ngân đến ngày 24/11/2022 bà M, ông P chỉ thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 47.700.800 đồng (*trong đó trả vốn là 43.803.968 đồng, trả lãi là 3.896.832 đồng*). Do bà M, ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 19/12/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Mặc khác, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà M, ông P có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1733800235 ngày 04/12/2017 với Ngân hàng TMCP S thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 255, tờ bản đồ số 11, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 437,3m² tọa lạc tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 045156 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 07/02/2017 cho bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P.

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2022 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/4/2023 Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P cùng có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng và sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký nêu trên tính đến ngày 24/11/2022 là 56.330.877 đồng (*trong đó nợ gốc là 26.196.032 đồng, lãi trong hạn là 322.192 đồng, lãi quá hạn là 29.812.653 đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/11/2022 cho đến khi bà M, ông P thanh toán dứt nợ. Tuy nhiên sau khi khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết thì đến ngày 11/04/2023 bà M, ông P có thanh toán một phần nợ gốc số tiền là 8.994.007 đồng và ngày 05/08/2023 bà M, ông P có thanh toán một phần nợ gốc số tiền là 1.000.066 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà M, ông P về việc phải thanh toán số tiền nợ gốc là 9.994.073 đồng. Đồng thời yêu cầu bà M, ông P phải tiếp tục thanh toán tổng số tiền gốc, lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2023) là 49.282.461 đồng (*trong đó nợ gốc là 16.201.959 đồng, lãi trong hạn là 322.192 đồng, lãi quá hạn là 32.758.310 đồng*). Trường hợp bà M, ông P không trả hoặc trả không hết nợ vay thì Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án tuyên xử cho Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản mà bà M, ông P đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP S. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Đối với đồng bị đơn bà Nguyễn Thị M: Quá trình giải quyết vụ án bà M thừa nhận vào khoảng năm 2017 – 2018 vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền là 70.000.000 đồng. Mục

đích vay: Bỏ sung vốn kinh doanh gia công nhôm sắt. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng bà M, ông P có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa 255, tờ bản đồ số 11, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 437,3m² tọa lạc tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu do bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Sau khi vay tiền thì vợ chồng bà M, ông P đã không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ cho Ngân hàng theo cam kết. Mặc khác, sau khi vay tiền Ngân hàng thì vào khoảng năm 2020, vợ chồng bà M, ông P đã được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu giải quyết cho ly hôn với nhau. Đối với khoản nợ vay Ngân hàng TMCP S nêu trên thì vợ chồng bà M, ông P không có yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn mà bà M, ông P tự thỏa thuận với nhau đối với khoản nợ này.

Bà M thừa nhận, tính đến ngày 24/11/2022 thì bà M, ông P còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 56.330.877 đồng (*trong đó nợ gốc là 26.196.032 đồng, lãi trong hạn là 322.192 đồng, lãi quá hạn là 29.812.653 đồng*) theo như đơn khởi kiện của Ngân hàng. Bà M đồng ý trả số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP S nhưng xin được trả dần vì trả một lần thì bà không có khả năng và bà M đề nghị Ngân hàng không phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với đồng bị đơn ông Lâm Vũ P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần đến nhà của ông P để tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với ông P tuy nhiên ông P đều không có mặt ở nhà. Chính quyền địa phương cho biết, hiện tại ông P vẫn còn sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hàng ngày ông P đi lái xe ở nhiều nơi có khi đến chiều tối mới về nhà. Địa phương cũng đã có thông báo lại cho ông P biết sự việc ngân hàng TMCP S khởi kiện đối với ông P và Tòa án có gửi giấy mời ông P đến Tòa án làm việc, tuy nhiên ông P không đồng ý lên Tòa án làm việc. Vì vậy quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông P đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đồng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P phải trả số tiền vay gốc là 9.994.073 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P. Buộc bà M và ông P mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/08/2023) là 24.641.230 đồng (trong đó nợ gốc là 8.100.979 đồng, lãi trong hạn là 161.096 đồng, lãi quá hạn là 16.379.155 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Khi bản án có hiệu lực phát luật bà M và ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản mà bà M, ông P đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1733800235 ngày 04/12/2017 để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 368,6m² thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 11, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 045156 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 07/02/2017 cho bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P cùng các tài sản trên đất.

Ngoài ra bà M, ông P còn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P phải trả nợ vay cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng đồng thời đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M, ông P căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P về việc phải thanh toán số tiền nợ gốc là 9.994.073 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ngân hàng TMCP S là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P phải trả số tiền vay gốc là 9.994.073 đồng.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P phải có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng*, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện Ngân hàng và bà Nguyễn Thị M trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định vào ngày 04/12/2017 giữa bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P với Ngân hàng TMCP S có ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1733800235. Đến ngày 13/12/2018 giữa bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P với Ngân hàng TMCP S có ký kết thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1733800235-001. Quá trình nhận

nợ, cụ thể vào ngày 19/6/2019 bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P tiến hành nhận nợ theo giấy nhận nợ số 004 với số tiền là 70.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh gia công nhôm sắt. Lãi suất được áp dụng cho 03 tháng đầu tiên là 12%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP S cộng biên độ 5,1%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Thời điểm trả hết nợ là ngày 19/12/2019. Từ ngày giải ngân 19/6/2019 đến ngày 24/11/2022 bà M, ông P chỉ thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 47.700.800 đồng (*trong đó trả vốn là 43.803.968 đồng, trả lãi là 3.896.832 đồng*).

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/08/2023), tổng số tiền gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P còn nợ Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng tín dụng và sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng nêu trên là 49.282.461 đồng (*trong đó nợ gốc là 16.201.959 đồng, lãi trong hạn là 322.192 đồng, lãi quá hạn là 32.758.310 đồng*). Do đó việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P phải cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/08/2023) là 49.282.461 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M cho biết sau khi bà M, ông P ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S thì vào khoảng năm 2020, vợ chồng bà M, ông P đã được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu giải quyết cho ly hôn với nhau. Đối với khoản nợ vay Ngân hàng TMCP S nêu trên thì vợ chồng bà M, ông P không có yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn mà bà M, ông P tự thỏa thuận với nhau đối với khoản nợ này. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2020 giữa bà M với ông P được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu giải quyết thì Hội đồng xét xử thấy rằng về tài sản vợ chồng bà M, ông P tự thỏa thuận giải quyết. Vì vậy đối với khoản nợ mà Ngân hàng TMCP S đang khởi kiện bà M, ông P hiện nay cần buộc bà M và ông P mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ khoản nợ này cho Ngân hàng tương đương số tiền là 24.641.230 đồng (*trong đó nợ gốc là 8.100.979 đồng, lãi trong hạn là 161.096 đồng, lãi quá hạn là 16.379.155 đồng*).

[5] *Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP S đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P.* Hội đồng xét xử xét thấy: Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, bà M, ông P có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1733800235 ngày 04/12/2017 với Ngân hàng TMCP S thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 255, tờ bản đồ số 11, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 045156 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 07/02/2017 cho bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P là 437,3m² tọa lạc tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5.1] Về hình thức hợp đồng thế chấp: Hợp đồng này đã được chứng thực tại UBND thị trấn N và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào cùng ngày 04/12/2017 theo đúng quy định.

[5.2] Về tài sản thế chấp:

Qua xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, thấy rằng: Diện tích thực tế mà bà M, ông P đang quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 255, tờ bản đồ số 11 khi thẩm định

vào ngày 06/04/2023 là 368,6m² (ít hơn so với diện tích đất bà M, ông P được cấp quyền sử dụng và đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP S là 68,7m²).

Tại thời điểm khảo sát trên phần đất thế chấp có các tài sản sau đây: Một nhà xưởng: Ngang 8,5m x dài 30m = 255m², kết cấu: Khung sườn cột sắt hộp, đỡ mái sắt hộp, mái lợp tol kẽm, một phần vách thiết một phần vách lưới B40, một phần nền láng xi măng, một phần nền đất; Về cây trồng: Có 02 cây xoài, 02 cây dừa, 01 cây mít, 30 cây chuối, 20 cây mía, 01 đồng hồ điện. Ngoài ra không còn tài sản gì khác trên đất.

Theo sự xác định của bà Nguyễn Thị M tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ thì tất cả tài sản có trên đất là của bà M, ông P đầu tư xây dựng và trồng. Phần đất thế chấp và các tài sản có trên phần đất thế chấp nêu trên hiện tại đang do bà M quản lý và sử dụng, không có cầm cố, chuyển nhượng hay cho ai khác thuê lại.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/08/2023, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S xác định trước đây khi nhận thế chấp thửa đất số 255, tờ bản đồ số 11 từ vợ chồng bà M, ông P thì phía Ngân hàng có xuống thực địa xem vị trí đất thế chấp chứ không có đo đạc cụ thể đối với thửa đất thế chấp. Trường hợp bà M, ông P không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên xử cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi thửa đất số 255, tờ bản đồ số 11 theo diện tích đất khảo sát thực tế là 368,6m² cùng các tài sản có trên phần đất này để thu hồi nợ.

Từ những nội dung nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu được phát mãi thửa đất số 255, tờ bản đồ số 11 theo diện tích khảo sát thực tế là 368,6m² cùng các tài sản có trên phần đất này trong trường hợp bà M, ông P không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp tổng số tiền là 2.022.000 đồng bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P phải chịu toàn bộ. Bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Vũ P mỗi người phải có trách nhiệm hoàn lại chi phí tố tụng cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 1.011.000 đồng.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Vũ P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.232.000 đồng (24.641.230 đồng x 5% = 1.232.061 đồng, lấy tròn 1.232.000 đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí.

Vì các lý do nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P phải trả số tiền vay gốc là 9.994.073 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Vũ P mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/08/2023) là 24.641.230 đồng (*trong đó nợ gốc là 8.100.979 đồng, lãi trong hạn là 161.096 đồng, lãi quá hạn là 16.379.155 đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Khi bản án có hiệu lực phát luật bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản mà bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P đã thế chấp cho Ngân hàng tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1733800235 ngày 04/12/2017 để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 368,6m² thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 11, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 045156 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 07/02/2017 cho bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P.

Phần đất diện tích 368,6m² có tứ cạnh cụ thể như sau: Hướng Đông giáp phần đất bà Phạm Thị H, có cạnh dài 31,5m; Hướng Tây giáp phần đất ông Kỳ Thanh G, có cạnh dài 31,5m; Hướng Nam giáp đường nhựa, có cạnh dài 11,7m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Nguyễn Thị K, có cạnh dài 11,7m.

(Mẫu trích đo địa chính số 08-2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H là bộ phận kèm theo bản án).

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp tổng số tiền là 2.022.000 đồng bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Vũ P phải chịu toàn bộ. Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền là 5.000.000 đồng theo phiếu thu số T0038 ngày 04/04/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, đã chi hết 2.022.000 đồng nên Ngân hàng TMCP S được hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 2.978.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Vũ P mỗi người phải có trách nhiệm hoàn lại chi phí tố tụng cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 1.011.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Vũ P mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.232.000 đồng.

Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 1.408.000 đồng theo biên lai thu số 0006666 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh